

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 7

Bài	9	10	11	12	13	14	15
Số tiết	2	2	1	3	1	2	1
Số điểm	0,75	0,75	0,375	1,125	1,75	3,5	1,75
Làm tròn	1,0	0,5	0,5	1,0	2,0	3,5	1,5

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng		Điểm số
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Số CH		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
	<i>Mở đầu về chăn nuôi</i>	Vai trò triển vọng của chăn nuôi	1						1		0,5
		Ngành nghề trong chăn nuôi	1						1		0,5
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi	1					1	1	1	2,5
		Phòng, trị bệnh cho vật nuôi			1	1			1	1	1,5
3	Thủy sản	Giới thiệu về thủy sản	2	1					2	1	2,0
		Nuôi thủy sản	1		2				3		1,5
		Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản			1			1	1	1	1,5
Tổng câu			7		5		2		10	4	14 câu
Tổng điểm			4,0		3,0		3,0		5,0	5,0	10 điểm
Tỉ lệ (%)			40%		30%		30%		50%	50%	100 %

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Mở đầu về chăn nuôi	1.1. Vai trò, triển vọng của chăn nuôi	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế. - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam.	I.C1			
		1.3. Ngành nghề trong chăn nuôi	Nhận biết: Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi	I.C2			
2	Nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh cho vật nuôi	2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi	Nhận biết: - Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. - Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản	I.C3			
			Vận dụng: Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương.			II.C3	
		2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi.	Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. - Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. - Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi		I.C4 II.C2		
3	Thủy sản	3.1. Giới thiệu về thủy sản	Nhận biết - Trình bày được vai trò của thủy sản	I.C5,6 II.C1			

			- Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta.				
		3.2. Nuôi thủy sản	Nhận biết - Nêu được quy trình nuôi một loại thủy sản phổ biến. - Trình bày được kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. - Nêu được kỹ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. - Trình bày được kỹ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. - Nêu được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho cho một loại thủy sản phổ biến.	I.C7			
			Thông hiểu - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kỹ thuật chuẩn bị con giống một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kỹ thuật chăm sóc một loại thủy sản phổ biến. - Giải thích được kỹ thuật phòng, trị bệnh cho một loại thủy sản phổ biến.		I.C8,9		
		3.3. Bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.	Thông hiểu - Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản.		I.C10		
			Vận dụng cao Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản của địa phương.				II.C4
	Tổng			7	5	1	1

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm 02 trang)

Mã đề: A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái (A, B, C hoặc D) đứng trước câu trả lời đúng rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là **không** đúng về vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người. B. Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu.
C. Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường. D. Cung cấp phân bón cho trồng trọt.

Câu 2: Nhiệm vụ của kỹ sư chăn nuôi là

- A. phòng bệnh cho vật nuôi. B. chọn và nhân giống vật nuôi.
C. khám bệnh cho vật nuôi. D. chữa bệnh cho vật nuôi.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây là đúng về vai trò của việc nuôi dưỡng vật nuôi?

- A. Cung cấp cho vật nuôi đủ chất dinh dưỡng.
B. Giữ vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.
C. Giữ ấm cơ thể.
D. Cho vật nuôi vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng.

Câu 4: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vệ sinh trong chăn nuôi?

- A. Phòng ngừa dịch bệnh xảy ra.
B. Bảo vệ sức khỏe vật nuôi.
C. Quản lý tốt đàn vật nuôi.
D. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

Câu 5: Vai trò của thủy sản trong hình ảnh bên là

- A. cung cấp thực phẩm cho con người .
B. phục vụ vui chơi, giải trí.
C. cung cấp nguồn hàng cho xuất khẩu.
D. bảo vệ chủ quyền biển đảo.



Câu 6: Loại tôm nào là loại tôm xuất khẩu chính ở nước ta?

- A. Tôm thẻ chân trắng. B. Tôm hùm.
C. Tôm càng xanh. D. Tôm đồng

Câu 7: Bước nào sau đây **không** thuộc quy trình chuẩn bị ao nuôi cá?

- A. Bắt sạch cá còn sót lại và tát cạn ao. B. Bỏ sung thức ăn cho cá.
C. Hút bùn, bón vôi khử trùng ao. D. Phơi đáy ao, lấy nước mới vào ao.

Câu 8: Rắc vôi bột vào đáy ao có tác dụng gì?

- A. Cải tạo độ mặn cho nước ao.
B. Tạo độ trong cho nước ao.
C. Tiêu diệt các mầm bệnh có trong đáy ao.
D. Tăng lượng vi sinh vật trong đáy ao để làm thức ăn cho cá.

Câu 9: Tại sao trong công đoạn chuẩn bị cá giống lại yêu cầu cá đồng đều về kích thước?

- A. Để cá trong đàn cạnh tranh nhau thức ăn. B. Để sớm thu hoạch.
C. Tránh tình trạng cá lớn nuốt cá bé. D. Để tiết kiệm thức ăn và công chăm sóc.

Câu 10: Hình thức khai thác thủy sản nào sau đây là đúng quy định?

A. Sử dụng thuốc nổ.

B. Khai thác trong mùa sinh sản.

C. Sử dụng kích điện.

D. Sử dụng lưới có kích cỡ mắt lưới cho phép.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm) Trình bày vai trò của thủy sản đối với đời sống con người?

Câu 2: (1,0 điểm) Để phòng bệnh cho vật nuôi chúng ta nên làm gì?

Câu 3: (2,0 điểm) Mai có ý định nuôi một loại vật nuôi trong gia đình. Em hãy giúp Mai lựa chọn loại vật nuôi (có 4 chân) phù hợp và lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu tiên.

Câu 4: (1,0 điểm) Em hãy đề xuất 4 việc nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản của địa phương.

-----Hết-----

ĐỀ CHÍNH THỨC

Mã đề: B

(Đề gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Hãy chọn chữ cái (A, B, C hoặc D) đứng trước câu trả lời đúng rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1: Phát biểu nào sau đây là đúng về vai trò của chăn nuôi?

- A. Cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.
- B. Cung cấp nguyên liệu thủy sản cho xuất khẩu.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường.
- D. Cung cấp nguồn lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn,... cho con người.

Câu 2: Nhiệm vụ nào dưới đây **không** phải là nhiệm vụ của bác sĩ thú y?

- A. Phòng bệnh cho vật nuôi.
- B. Chế biến thức ăn cho vật nuôi.
- C. Khám bệnh cho vật nuôi.
- D. Chữa bệnh cho vật nuôi.

Câu 3: Mục tiêu của chăn nuôi vật nuôi được giống là

- A. nhanh lớn, nhiều nạc.
- B. càng béo càng tốt.
- C. nhanh lớn, khỏe mạnh.
- D. cho ra nhiều con giống tốt nhất.

Câu 4: Phòng bệnh cho vật nuôi có tác dụng gì?

- A. Tạo miễn dịch cho vật nuôi, giúp vật nuôi chống lại các tác nhân gây bệnh.
- B. Giúp vật nuôi khỏi bệnh bằng cách phẫu thuật.
- C. Giúp vật nuôi nhanh khỏi bệnh.
- D. Giúp vật nuôi khỏi bệnh bằng cách dùng thuốc.

Câu 5: Vai trò của thủy sản trong hình bên là

- A. cung cấp thực phẩm cho con người .
- B. phục vụ vui chơi, giải trí.
- C. cung cấp nguồn hàng cho xuất khẩu.
- D. bảo vệ chủ quyền biển đảo.



Câu 6: Loại cá nào là loại cá xuất khẩu chính ở nước ta?

- A. Cá tra.
- B. Cá mú.
- C. Cá trê.
- D. Cá lóc.

Câu 7: Khi vệ sinh ao cá ta tiến hành phơi đáy ao trong khoảng mấy ngày là hợp lý?

- A. 1 – 2 ngày.
- B. 2 – 3 ngày.
- C. 3 – 5 ngày.
- D. 10 – 12 ngày.

Câu 8: Khi lấy nước mới vào ao nuôi cá cần chú ý vấn đề nào sau đây?

- A. Lọc nước qua túi lưới nhằm tránh không cho cá tạp vào ao.
- B. Khử trùng nước trước khi lấy nước vào ao.
- C. Lọc nước qua túi lưới nhằm tránh không cho các vi sinh vật gây bệnh vào ao.
- D. Sử dụng 50% nước cũ và 50% nước mới.

Câu 9: Vào mùa hè, nên thả cá giống vào ao nuôi ở thời điểm nào trong ngày là tốt nhất?

- A. Buổi sáng sớm hoặc buổi trưa.
- B. Buổi trưa hoặc buổi chiều mát.
- C. Buổi sáng sớm, buổi chiều mát hoặc buổi tối.
- D. Buổi chiều mát hoặc buổi tối.

Câu 10: Biện pháp nào có tác dụng bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong các biện pháp dưới đây?

A. Khai thác tối đa các loài thủy sản quý hiếm.

B. Khai thác trong mùa sinh sản.

C. Đánh bắt ở khu vực gần bờ, đặc biệt là vào mùa tôm, cá sinh sản.

D. Bảo vệ môi trường biển và sông, hồ, nơi sinh sống của các loài thủy sản.

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm) Nêu vai trò của thủy sản đối với đời sống con người?

Câu 2: (1,0 điểm) Trình bày một số biện pháp phòng và trị bệnh cho gà?

Câu 3: (2,0 điểm) Nam có ý định nuôi một loại vật nuôi trong gia đình. Em hãy giúp Nam lựa chọn loại vật nuôi (có 2 chân) phù hợp và lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu tiên.

Câu 4: (1,0 điểm) Em hãy đề xuất 4 việc nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản của địa phương.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI KÌ II, NĂM HỌC 2023 - 2024, MÔN CÔNG NGHỆ 7
(ĐỀ A)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	A	C	B	A	B	C	C	D

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: (1,0 điểm) Vai trò của thủy sản đối với đời sống con người là

- Cung cấp thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người (0,2)
- Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu (0,15)
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi (0,15)
- Tạo công việc cho người lao động (0,15)
- Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người (0,15)
- Góp phần khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (0,2)

Câu 2: (1,0 điểm) Một số biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi:(mỗi ý 0,2 điểm)

- Nuôi dưỡng tốt: cho vật nuôi ăn uống đầy đủ, thức ăn và nước uống đảm bảo vệ sinh.
- Chăm sóc chu đáo: thực hiện chăm sóc phù hợp với từng đối tượng vật nuôi, đảm bảo chuồng nuôi ấm vào mùa đông, thoáng mát vào mùa hè, không quá nóng, không quá lạnh.
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ: đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và môi trường xung quanh, thực hiện tốt việc thu gom và xử lý chất thải chăn nuôi.
- Cách li tốt: cách ly vật nuôi khỏe mạnh với vật nuôi bị bệnh và các nguồn lây nhiễm khác.
- Tiêm phòng vaccine đầy đủ theo quy định.

Câu 3: (2 điểm) Tùy theo sở thích của mình, học sinh tự chọn một loại vật nuôi có 4 chân thích hợp và lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu.

Gợi ý đáp án:

1. Xác định giống vật nuôi phù hợp với gia đình. (1,0 điểm)

- Giống động vật: chó ta.
- Lí do lựa chọn:
 - + Giống chó ta rất thông minh, nhanh nhẹn, hoạt bát và rất hòa đồng.
 - + Chi phí mua vật nuôi phù hợp với điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.
 - + Dễ nuôi dưỡng, chăm sóc.

2. Tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu. (1,0 điểm)

- Hs lập bảng tính toán chi phí tùy theo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc của gia đình.

Câu 4: (1,0 điểm) Mỗi ý trả lời đúng đạt 0,25 điểm.

- Quản lí tốt chất thải, nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.
- Thực hiện tốt các biện pháp quản lí, chăm sóc ao nuôi, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh.
- Khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong xử lí môi trường nước nuôi thủy sản.
- Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức trong việc bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.

(ĐỀ B)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	D	A	C	A	C	A	C	D

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu 1: (1,0 điểm) Vai trò của thủy sản với đời sống con người là

- Cung cấp thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao cho con người (0,2)
- Cung cấp nguyên liệu cho xuất khẩu (0,15)
- Cung cấp thức ăn cho chăn nuôi (0,15)
- Tạo công việc cho người lao động (0,15)
- Đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho con người (0,15)
- Góp phần khẳng định chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc (0,2)

Câu 2: (1,0 điểm) Trong khi phòng, trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính.

- Phòng bệnh cho gà: (0,5 điểm)
 - + Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ, đảm bảo 3 sạch: ăn sạch, ở sạch, uống sạch.
 - + Đảm bảo mật độ chăn nuôi hợp lý
 - + Tiêm vaccine đầy đủ và kịp thời.
- Trị bệnh cho gà cần tuân thủ theo nguyên tắc: (0,5 điểm)
 - + Đúng thuốc: Cần sử dụng thuốc phù hợp cho từng loại bệnh.
 - + Đúng thời điểm: Khi gà có dấu hiệu bị bệnh, cần cho gà dùng thuốc càng sớm càng tốt.
 - + Đúng liều lượng: Sử dụng thuốc đúng liều lượng theo hướng dẫn sử dụng.

Câu 3: (2 điểm) Tùy theo sở thích của mình, học sinh tự chọn một loại vật nuôi có 2 chân thích hợp và lập kế hoạch, tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu.

Gợi ý đáp án:

1. Xác định giống vật nuôi phù hợp với gia đình. (1,0 điểm)

- Giống động vật: chim chào mào.
- Lý do lựa chọn:
 - + Giọng hót thánh thót, ngoại hình đẹp.
 - + Chi phí mua vật nuôi phù hợp với điều kiện kinh tế của mỗi gia đình.
 - + Khá dễ nuôi dưỡng và chăm sóc.

2. Tính toán chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc trong năm đầu. (1,0 điểm)

- Học sinh lập bảng tính toán chi phí tùy theo điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc của gia đình.

Câu 4: (1,0 điểm) Mỗi ý trả lời đúng đạt 0,25 điểm.

- Quản lý tốt chất thải, nước thải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.
- Thực hiện tốt các biện pháp quản lý, chăm sóc ao nuôi, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh.
- Khuyến khích sử dụng các loại chế phẩm sinh học trong xử lý môi trường nước nuôi thủy sản.
- Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức trong việc bảo vệ môi trường nuôi thủy sản.